

Bản án số: 229 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 10 - 2019
“V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con;”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Danh Tuyên

2. Ông Lê Quốc Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thái Thị C, sinh năm 1986

Nơi cư trú: khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm: 1982

Nơi cư trú: xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Thái Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn S tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2004, ngày 21 tháng 7 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, anh S đã đánh đập chị. Đến cuối năm 2004 thì vợ chồng sống ly thân, chị về về bên ngoại tại khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An sống cho đến nay. Nay chị xét thấy vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn mười lăm năm, không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu ly hôn anh S.

- Về nuôi con chung: Chị và anh Lê Văn S có 01 con chung là: Lê Thị M, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2005. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu M

sống với chị. Khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với anh Lê Văn S: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho anh Sơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nhưng anh S không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Lời khai người làm chứng là ông Lê Văn M, là cha đẻ của anh S trình bày: Anh S và chị C kết hôn với nhau vào tháng 7 năm 2004, nhưng do tính tình không hợp nhau nên đến cuối năm 2004 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị C và anh S có 01 con chung là cháu Lê Thị M, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2005, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu M ở với chị C. Lý do anh S không đến Tòa án giải quyết vụ kiện là do bận công việc làm ăn.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự,.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Thái Thị C ly hôn anh Lê Văn S. Giao con chung là Lê Thị M, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2005 cho chị C trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh S vì chị C chưa có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Thái Thị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Văn S; anh S có nơi cư trú tại xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; việc vắng mặt của anh S không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2]. Về nội dung:

2.1.Về hôn nhân: Chị Thái Thị C và anh Lê Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34/2004 ngày 21 tháng 7 năm 2004. Hôn nhân giữa chị C và anh S không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Giữa chị Thái Thị C và anh Lê Văn S kết hôn với nhau vào tháng 7 năm 2004, nhưng đến cuối năm 2004 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay, không còn sống chung với nhau nữa. Căn cứ lời khai của chị C và lời khai người làm chứng là ông Lê Văn M (cha đẻ của anh Sơn) thì xác định được nguyên nhân vợ chồng sống không hạnh phúc là do tính tình không hợp nhau. Như vậy, xác định hôn nhân giữa chị C và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị C được ly hôn anh S.

2.2.Về nuôi con chung: Chị Thái Thị C và anh Lê Văn S có 01 con chung là: Lê Thị M, giới tính: Nữ, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2005. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu M sống với chị C. Nguyên vọng của cháu Mai xin được ở với mẹ. Chị C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M. Do vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu M cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị C chưa yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh S.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Thái Thị C và anh Lê Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Chị Thái Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thái Thị C và anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị M; giới tính: Nữ; sinh ngày 02 tháng 9 năm 2005 cho chị Thái Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Văn S vì chị C chưa yêu cầu.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh S.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thái Thị C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo Biên lai số 0005637 ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Thái thị C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Bị đơn là anh Lê Đình S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện Nghi Lộc;
- UBND xã N;
- Hồ sơ vụ án; Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phong